

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2017/HS-ST

Ngày: 13/6/2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN THÀNH PHỐ SƠN LA- TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu

2. Bà Lò Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Cảnh, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 88/2017/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Lù Văn A; Tên gọi khác: không; Sinh 20/10/1988; Nơi ĐKKHKT: bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Chỗ ở hiện nay: bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 2/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lù Văn Đ, sinh năm 1964; con bà Lù Thị X, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ Quàng Thị H (*Đã ly hôn*), có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến nay, có mặt.

Những người bị hại:

1. Anh Tánh A T, hộ khẩu thường trú tại bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La, tạm trú tại tổ 2, phường G, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

2. Anh Cà Văn H, trú tại bản P, xã M, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

3. Chị Lò Thị B, trú tại bản L, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

4. Anh Mai Xuân H, trú tại tổ 4, phường N, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

5. Chị Lò Thị T, trú tại bản H, xã I, thành phố S, tỉnh Sơn La, có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Vũ Văn Th, trú tại tiểu khu 1, thị trấn O, huyện M, tỉnh S, vắng mặt (*có lý do*).

2. Anh Hoàng Ngọc T, trú tại tổ 3, phường Q, thành phố S, tạm trú tại tổ 1, phường K, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

3. Hoàng Thị N, trú tại Tiểu khu 4, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi Trộm cắp tài sản:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 07/12/2015, Lò Văn A thuê 01 phòng trọ tại tổ 2, phường C, thành phố S thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS 26P1- 010.72 của anh Tênh A T (*cạnh phòng trọ của A*) đang dựng trước cửa phòng, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện, xung quanh không có người, Sơn nảy sinh ý định chiếm đoạt, A dắt xe ra khỏi xóm trọ khoảng 02 mét rồi nổ máy, đi về nhà bố mẹ vợ của Sơn tại bản L, xã H, thành phố S chơi. Ngày 14/12/2015, do A còn nợ tiền của anh Hoàng Ngọc T, trú tại tổ 1, phường C, thành phố S, do không có tiền trả nên A đã gán nợ chiếc xe đó cho T, A nói chiếc xe đó là do A mua. Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố S đã thu hồi được chiếc xe mô tô do A chiếm đoạt và trưng cầu định giá tài sản. Tại Kết luận ngày 28/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS 26-P1-010.72 của anh Tênh A T có trị giá 43.000.000đồng (*Bốn mươi ba triệu đồng*), đã thu hồi và trả cho anh Tênh A T. Bị hại anh Tênh A T đã nhận lại chiếc xe mô tô, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm, anh Hoàng Ngọc T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Vụ thứ hai: Ngày 05/12/2016, Lò Văn A đến nhà bà Lò Thị B trú tại bản L, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La (*là bác ruột của A*) chơi, biết gia đình bà B có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 26B1- 494.44, giấy tờ xe bà B thường để dưới đệm ngủ của gia đình. Sáng ngày 08/12/2016, A đi lấy củi cùng chồng bà B. Khoảng 10 giờ cùng ngày, A về nhà trước. Thấy chìa

khóa đang cắm ở xe, A nảy sinh ý định chiếm đoạt, bán lấy tiền chi tiêu. A vào nhà lấy giấy tờ xe rồi đi vào huyện Q, tỉnh Sơn La. Trên đường đi A gặp và bán xe cho một người đàn ông không biết tên, tuổi và địa chỉ được 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*), đã chi tiêu hết. Ngày 17/02/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen có trị giá 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Chiếc xe nay không thu hồi được và bị hại Lù Thị B chưa được nhận bồi thường, nay yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/12/2016, Lù Văn A đi bộ từ nhà ở bản P, xã C, thành phố S qua quán sửa chữa điện thoại của anh Cà Văn H trú tại bản P, xã M, thành phố S. A nhìn qua khe cửa thấy có nhiều điện thoại, cửa ngoài khóa, biết không có ai trông nom cửa hàng, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A đi vòng ra phía sau nhà lấy một thanh sắt chữ T dài khoảng 1,4m cậy chốt cửa sau của cửa hàng. Sau khi cậy được chốt cửa, A vào mở tủ lấy toàn bộ số điện thoại cho vào 01 túi nilon màu đỏ. A tiếp tục lục soát và lấy được 100.000đồng (*Một trăm ngàn đồng*) và 08 thẻ nạp điện thoại mệnh giá 20.000đồng (*Hai mươi ngàn đồng*). A đi vào phòng ngủ thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Blackberry màu đen, không có pin để trên kết sắt, A lấy cho vào túi quần, sau đó gọi điện cho hãng taxi 8787 đi vào huyện M mục đích tiêu thụ số tài sản vừa chiếm đoạt. Khi đến Trung tâm xã V, huyện M, A xuống xe vào hỏi bán điện thoại cho cửa hàng điện thoại của chị Lưu Thị T, nhưng chị T không mua; Sơn tiếp tục đến cửa hàng điện thoại của chị Hoàng Thị N gần Bệnh viện đa khoa huyện M, Sơn bán cho chị N 02 chiếc điện thoại với giá 1.200.000đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*). A thanh toán tiền xe taxi rồi vào nhà nghỉ Ngọc Hà tại thị trấn O và nghỉ qua đêm ở đó. Sáng ngày 27/12/2016, A kiểm tra điện thoại thấy có 01 chiếc bị vỡ màn hình, máy không có pin nên vớt lại trên nóc tủ của nhà nghỉ; Sau đó A đem bán cho anh Vũ Văn Th ở thị trấn O 14 chiếc điện thoại với giá 800.000đồng (*Tám trăm ngàn đồng*); Sau khi mua bán xong, A đi xe khách ra thành phố S, trên đường đi A đánh rơi 01 chiếc điện thoại S.MOBILE màu trắng, màn hình cảm ứng, còn lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BlachBerry màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đều không có pin nên A giữ lại. Khi ra đến thành phố S, Sơn tiếp tục đi xe khách vào huyện SM chơi và dùng tiền chiếm đoạt được để mua ở thị trấn SM 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Round Wave biển kiểm soát 34L - 9005 với giá 700.000đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*), số tiền còn lại đã chi tiêu hết, riêng 08 thẻ nạp điện thoại, Sơn nạp vào máy điện thoại của mình để sử dụng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La đang tạm giữ 20 chiếc điện thoại các loại, trong đó thu của Vũ Văn Th 13 chiếc, thu của Hoàng Thị N 02 chiếc, thu tại nhà nghỉ Ngọc Hà 01 chiếc, còn lại thu của

A 04 chiếc, trong đó của riêng A 02 chiếc, 01 chiếc T đã bán cho một người không biết tên tuổi và địa chỉ, nên không thu hồi được. Ngoài ra Cơ quan Công an còn thu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Round Wave biển kiểm soát 34L-9005 đã qua sử dụng, 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn Ôn sinh 10/10/1977, trú tại xã Phúc Than - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu.

Ngày 11/01/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S định giá 20 chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt có giá trị 6.868.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng*). Bị hại anh Cà Văn H đã nhận lại số điện thoại di động bị A trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm

Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/12/2016, Sơn đến cửa hàng của ông Mai Xuân H thuộc tổ 4, tổ 4, phường N, thành phố S thuê 01 xe máy điện nhãn hiệu Moment, kèm theo 01 sạc điện, mục đích đi chơi điện tử, A để lại 01 chiếc CMTND mang tên Lù Văn A cho ông H. Sau đó, Sơn đến cổng trường Đại học Tây bắc chơi điện tử, khi chơi hết tiền, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy điện bán lấy tiền chi tiêu. Sơn đã gặp và bán cho anh T ở cửa quán Karaoke anh Nguyễn Văn U được 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và bán cho người tên T 01 điện thoại với giá 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*) và đã chi tiêu hết. Do không xác định được tuổi và địa chỉ của người thanh niên tên T, nên Công an thành phố chưa thu được xe máy điện nêu trên. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 17/02/2017 UBND thành phố Sơn La xác định trị giá 01 chiếc xe máy điện bị cáo chiếm đoạt của ông H có giá trị 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*). Đến nay ông H chưa được bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*).

Vụ thứ hai: Do quen biết nhau từ trước, nên tối ngày 16/12/2015, A đến nhà chị Lò Thị T ở bản Bó Cầm, xã H, thành phố S chơi và ngủ lại. Khoảng 10 giờ ngày 17/12/2016, Sơn nhờ T đưa xuống thành phố Sơn La chơi và đi vay tiền. T đồng ý và sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 951.37 của gia đình chở A đi. Khi đến khu vực Cầu trắng, A bảo T đứng ở đó đợi để A đi vay tiền nhưng không vay được, A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của T bán lấy tiền chi tiêu. A lái xe đến cầu bản Cá, phường C và bán cho một người không biết tên tuổi và địa chỉ với giá 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*), Ngày 17/02/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S định giá chiếc xe bị cáo chiếm đoạt có giá trị 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*). Đến nay chị T chưa được bồi thường, chị T yêu cầu bị cáo bồi thường 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Về vật chứng trong vụ án:

Đối với 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn Ôn sinh 10/10/1977, trú tại xã Phúc Than - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu, quá trình điều tra xác định liên quan đến 01 vụ án khác ở Than Uyên - Lai Châu, đang thụ lý và giải quyết, nên đang lưu giữ bảo quản tại Công an thành phố.

Đối với 18 chiếc điện thoại di động trong tổng 20 chiếc điện thoại di động tạm giữ trong vụ án, xác định là tài sản hợp pháp của anh Cà Văn H, Công an thành phố đã trả cho anh H quản lý và sử dụng;

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS 26-P1- 010.72 của anh Tếnh A T và giấy tờ xe, xác định là tài sản hợp pháp của anh Tếnh A T, Công an thành phố đã trả cho anh T quản lý và sử dụng; Còn lại cơ quan điều tra Công an TP S đã chuyển giao số vật chứng còn lại cho Chi cục thi hành án thành phố gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Proud Wave biển số 34L9 - 9005 đã qua sử dụng; 02 điện thoại di động; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn A.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tếnh A T, anh Cà Văn H, anh Hoàng Ngọc T, anh Vũ Văn Th và chị Hoàng Thị N không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người bị hại ông Mai Xuân H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*); bà Lò Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 15.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*); chị Lò Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*);

Tại bản Cáo trạng số 35/KSĐT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lò Văn A về tội Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn A từ 60 tháng đến 72 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản ; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo theo khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 72 tháng đến 90 tháng tù. Chấp nhận cơ quan điều tra Công an thành phố S đã trả cho anh Tếnh A T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS 26P1 - 010.72 và giấy tờ xe; Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả cho anh

Cà Văn H 18 (*Mười tám*) chiếc điện thoại di động; Chấp nhận anh Tếnh A T, anh Cà Văn H, anh Hoàng Văn T, anh Vũ Văn Th và chị Hoàng Thị N không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm; Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Mai Xuân H 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*); chị Lò Thị T 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*); bà Lò Thị B 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 và khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự do bị cáo là người lao động tự do, thu nhập thấp, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Proud Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 34L9 - 9005 đã qua sử dụng; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu ghi xám đã qua sử dụng ; Trả bị cáo 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lù Văn A.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Ý kiến của bị cáo Lù Văn A nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, bị cáo có ý kiến xin được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt, để sớm được trở về, tái hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp].

[Về hành vi của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016, tại địa bàn thành phố S, Lù Văn A đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người khác đã ba lần thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác, để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Cụ thể bị cáo đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của anh Tênh A T, anh Cà Văn H và bà Lù Thị B. Tổng số tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 65.380.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng*).

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, cũng trong thời gian đó, Lù Văn A còn có hai lần mượn và thuê tài sản của người khác, sau đó tự ý đem bán lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn vì không có khả năng trả lại tài sản. Tổng số tài sản bị cáo chiếm đoạt trong hai lần này có trị giá 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Hành vi nêu trên của Lù Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản thuộc trường hợp định khung tăng nặng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, và đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

1. "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. "*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

a...

e. "*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.*"

5. "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*".

Tại Điều 140 BLHS quy định:

1. "*Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm*".

a. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”.

Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo với trị giá tài sản bị chiếm đoạt là tương đối lớn, mục đích chiếm đoạt là để bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng lười lao động, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, thuộc trường hợp định khung tăng nặng, bị cáo có nhân thân xấu, mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, thích hưởng thụ, coi thường pháp luật, đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản và tội Cướp giật tài sản (đã được xóa án), nay tiếp tục phạm tội do cố ý. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nhưng không ăn năn hối cải nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cần áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự để lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội].

[Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Chấp nhận cơ quan điều tra Công an thành phố S đã trả cho anh Tấnh A T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS 26P1- 010.72 và giấy tờ xe; Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả cho anh Cà Văn H 18 chiếc điện thoại di động; Chấp nhận anh T, anh H, anh T, anh Th và chị N không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm; Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Mai Xuân H 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); bà Lò Thị B 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Đối với yêu cầu của chị Lò Thị T đề nghị Tòa án buộc bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe là 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng), xét thấy việc chị T yêu cầu nhưng không có căn cứ chứng minh và chiếc xe nay không thu hồi được, chỉ chấp nhận theo giá trị tài sản đã được định giá theo quy định của Nhà nước là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng)].

[Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01

(Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Proud Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 34L9 - 9005 đã qua sử dụng, là tài sản do bị cáo dùng tiền từ việc phạm tội để mua mà có; Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu ghi xám đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án; Tuyên trả bị cáo 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn A].

[Về án phí: Bị cáo Lò Văn A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn A phạm tội: Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; khoản 1 Điều 140; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn A 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 (Một) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lò Văn A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (ngày 13/01/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn A phải bồi thường thiệt hại cho ông Mai Xuân H trú tại tổ 4, phường N, thành phố S, tỉnh Sơn La 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); chị Lò Thị T trú tại trú tại bản H, xã I, thành phố S, tỉnh Sơn La 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); bà Lò Thị B trú tại trú tại bản L, phường L, thành phố S, tỉnh Sơn La 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Proud Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 34L9 - 9005, số máy VTTCRJL1P52 EMHA00567, số khung VCRRCHO14CR000567, không có gương bên phải, thân xe dính nhiều bùn đất, đã qua sử dụng; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đỏ đen, số Imei 357781068372253 đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu ghi xám, số Imei 353667/05/292955/3, màn hình vỡ,

không có nắp pin phía sau, đã qua sử dụng; Tuyên trả bị cáo 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn A.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lò Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000^d (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm là 1.450.000^d (Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Văn A và người bị hại chị Lò Thị T, bà Lò Thị B (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, ông Mai Xuân H, anh Tánh A T, anh Cà Văn H, người liên quan anh Hoàng Ngọc T, anh Vũ Văn Th và chị Hoàng Thị N (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát TP;
- CA thành phố;
- Trại giam;
- Bị cáo; BH, NLQ;
- THADS thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Hương